



**Working Paper 2026
- Vol. 2, No. 2**

**HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG THỜI KỲ KINH TẾ SỐ Ở
VIỆT NAM**

Huỳnh Ngọc Hân, Dương Bảo Ngọc, Trần Hà My

Sinh viên K63 – CLC Kinh tế đối ngoại – Khoa Kinh doanh và Thương mại quốc tế
Trường Đại học Ngoại thương, Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Lưu Thị Bích Hạnh

Giảng viên Bộ môn Kinh tế - Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Phân hiệu tại TP. HCM, Việt Nam

Tóm tắt

Sự phát triển mạnh mẽ của Internet mang lại cả lợi ích lẫn thách thức cho Chính phủ Việt Nam, khi vừa phải bắt kịp sự chuyển dịch toàn cầu sang nền kinh tế số, vừa phải bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả của nền kinh tế quốc dân, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong quá trình chuyển đổi số. Nghiên cứu này cung cấp một cái nhìn tổng quan về nền kinh tế số Việt Nam, xem xét tác động của nó đối với Luật Cạnh tranh, đồng thời xác định những vấn đề trọng tâm trong khuôn khổ pháp lý của Việt Nam. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật. Các đề xuất này được xây dựng dựa trên hệ thống pháp luật hiện hành, định hướng chính sách của Nhà nước, cũng như kinh nghiệm từ một số quốc gia được lựa chọn. Nghiên cứu này cho thấy những khoảng trống trong việc bảo đảm một môi trường cạnh tranh lành mạnh cho DN trong kỷ nguyên số, đặc biệt khi sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng thương mại điện tử và những chiến lược tiếp thị ngày càng phức tạp, tinh vi khiến cho công tác thực thi pháp luật trở nên thách thức hơn bao giờ hết.

Từ khóa: Kinh tế số, Việt Nam, Luật Cạnh tranh, cạnh tranh lành mạnh

**IMPROVING COMPETITION LAW IN VIETNAM IN THE DIGITAL
ECONOMY ERA**

Abstract

The growing widespread use of the Internet has brought about benefits and challenges for the Vietnamese government, as they must keep pace with the global shift towards a digital economy and ensure transparency and efficiency in the national economy and safeguard the lawful rights and interests of citizens during the digital transformation process at the same time. This study gives an overview of Vietnam's digital economy, examines its impact on Competition Law, and identifies key areas of concern in the Vietnam legal framework. Based

on this foundation, the research proposes some recommendations for further improvements. These suggestions are based on the existing legal system, the State's policy directions, and the experiences of selected countries. Through this study, we can identify gaps in ensuring a fair competitive environment for businesses in the digital era - particularly as the rapid rise of e-commerce platforms and increasingly complex, sophisticated marketing strategies make law enforcement ever more challenging.

Keywords: Digital economy, Viet Nam, Competition Law, fair competition

1. Giới thiệu

Luật Cạnh tranh hiện hành của Việt Nam được xây dựng trên các mô hình truyền thống kết hợp với các yếu tố thị trường hiện đại, tuy vậy Luật Cạnh tranh vẫn còn gặp nhiều hạn chế trong việc giải quyết các vấn đề đặc thù của nền kinh tế số. Các thách thức chính bao gồm: xác định thị trường liên quan trong không gian số toàn cầu, xử lý hành vi lạm dụng vị thế thống lĩnh của các nền tảng công nghệ lớn, kiểm soát tập trung kinh tế thông qua hoạt động sáp nhập và mua lại trong lĩnh vực công nghệ, cũng như quản lý cạnh tranh dựa trên dữ liệu (Hồ, 2021). Đáng chú ý, sự kết hợp giữa hiệu ứng mạng lưới mạnh và chi phí chuyển đổi cao của người dùng đã dẫn đến việc quyền lực thị trường tập trung vào một số nền tảng lớn. Những doanh nghiệp này nắm giữ vai trò chi phối trong việc kết nối người dùng và doanh nghiệp, từ đó có khả năng tác động đáng kể đến cấu trúc cạnh tranh và hoạt động của thị trường.

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế toàn cầu, đặc biệt thông qua các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP, việc hoàn thiện pháp luật cạnh tranh theo tiêu chuẩn quốc tế trở thành yêu cầu cấp thiết. Điều này không chỉ nhằm bảo vệ người tiêu dùng và doanh nghiệp trong nước trước những rủi ro phát sinh từ sự tập trung quyền lực thị trường, mà còn góp phần tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia, giúp Việt Nam thích ứng hiệu quả hơn với các xu hướng phát triển của nền kinh tế số toàn cầu.

2. Tổng quan về nền kinh tế số và Luật Cạnh tranh

2.1. Tổng quan về nền kinh tế số

Năm 1995, Don Tapscott lần đầu đề cập “kinh tế số” trong *The Digital Economy: Promise and Peril in the Age of Networked Intelligence*, coi sự cố chip Pentium P5 năm 1994 là bước ngoặt quan trọng cho nền kinh tế (Don Tapscott, 1995). Khi IoT bùng nổ, nhiều định nghĩa mới xuất hiện, trong đó R.Bukht và R.Heeks đã tổng hợp 21 định nghĩa và nhận thấy điểm chung là đều bao gồm khu vực Công nghệ thông tin & Truyền thông. Như vậy, dù chưa có khái niệm thống nhất, kinh tế số có thể được hiểu là nền kinh tế dựa trên công nghệ số, đặc biệt là IoT, gắn với các hoạt động kết nối trực tuyến giữa con người, doanh nghiệp, thiết bị, dữ liệu và quy trình. Quá trình này bắt nguồn từ số hóa – được Witten và David (2003) định nghĩa là “chuyển đổi các tài liệu truyền thống sang dạng điện tử để lưu trữ và xử lý bằng máy tính”. Khan và Aftab (2015, tr.139-141) cũng nhấn mạnh rằng nhờ số hóa, thông tin có thể dễ dàng cập nhật và nhiều người cùng truy cập cùng lúc. Đây chính là nền tảng cho chuyển đổi số (Digital transformation), tức việc áp dụng công nghệ đột phá để nâng cao năng suất và phúc lợi xã hội.

2.1.1. Đặc trưng của nền kinh tế số

Đầu tiên là khả năng số hóa các tài nguyên và dữ liệu. Dữ liệu hiện vừa là “nguồn tài nguyên mới” mà còn là động lực cốt lõi thúc đẩy đổi mới và phát triển, tương tự như dầu mỏ trong thời kỳ công nghiệp hóa (OECD, 2017). Các DN như Amazon và Netflix đã khai thác sức mạnh của dữ liệu để phân tích hành vi tiêu dùng, dự đoán nhu cầu tiềm ẩn, tối ưu hóa trải nghiệm cá nhân hóa và duy trì lợi thế cạnh tranh toàn cầu.

Ngoài ra, với tính kết nối và toàn cầu hóa, nền kinh tế số cũng vượt qua rào cản địa lý, cho phép hàng hóa, dịch vụ và thông tin lưu thông nhanh chóng trên toàn cầu thông qua Internet và công nghệ hiện đại. Các nền tảng thương mại điện tử như Amazon và Alibaba đã tạo ra bước đột phá, giúp SMEs mở rộng thị trường và tiếp cận khách hàng quốc tế mà không cần chi phí duy trì cửa hàng vật lý (M. Celestin, M. Vasuki & A. Dinesh Kumar, 2024). Điều này thúc đẩy thương mại xuyên biên giới và tăng tính cạnh tranh toàn cầu. (VietnamPlus, 2023)

Bên cạnh đó, với đặc trưng đổi mới công nghệ liên tục, nền kinh tế số thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, Internet vạn vật (IoT) và điện toán đám mây. AI hỗ trợ chẩn đoán y tế, phát hiện gian lận tài chính; blockchain tăng tính minh bạch và an toàn giao dịch (D. Tapscott & A. Tapscott, 2016); IoT kết nối thiết bị thông minh; và điện toán đám mây tối ưu hóa lưu trữ, xử lý dữ liệu.

Cuối cùng, với tính linh hoạt của nền kinh tế số và nhờ Big Data, các DN có thể phân tích hành vi và sở thích của từng khách hàng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ cá nhân hóa. Netflix là ví dụ tiêu biểu khi sử dụng AI và phân tích dữ liệu lớn để đề xuất nội dung phù hợp với từng người dùng, nâng cao trải nghiệm, giữ chân khách hàng và tối đa hóa lợi nhuận từ dịch vụ đăng ký.

2.1.2. Vai trò của nền kinh tế số

Trước hết, nền kinh tế số giúp thương mại điện tử bứt phá nhờ ứng dụng công nghệ tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Nhờ vậy, các nền tảng như Amazon hay Shopee vừa giảm chi phí, rút ngắn thời gian sản xuất, vừa duy trì kết nối với khách hàng ngay cả khi xảy ra những biến động lớn như đại dịch COVID-19 (OECD, 2017).

Tiếp đó, nền kinh tế số còn khuyến khích ngày càng nhiều người sử dụng Internet, với tỷ lệ người dùng toàn cầu đã vượt 66% nhờ những dịch vụ số tiện lợi như ngân hàng trực tuyến, học và họp từ xa qua Zoom hay Skype, tạo điều kiện để các quốc gia, trong đó có Việt Nam, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Không chỉ vậy, nó còn thúc đẩy sự ra đời và phát triển của nhiều loại hàng hóa, dịch vụ đa dạng – từ phần mềm, lưu trữ đám mây, nội dung số cho đến các ngành sáng tạo – minh chứng rõ nét qua Netflix trong lĩnh vực giải trí hay AWS trong cung cấp hạ tầng số cho DN.

Cuối cùng, nền kinh tế số góp phần làm cho các hoạt động kinh tế minh bạch hơn và hạn chế tham nhũng, nhờ ứng dụng các công nghệ như blockchain, dữ liệu lớn và giao dịch trực tuyến. Từ hệ thống thanh toán không tiền mặt như PayPal hay M-Pesa, đến các nền tảng thương mại điện tử minh bạch như eBay, tất cả đều giúp tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng, đáng tin cậy và bền vững (Transparency International, 2021).

2.2. Sơ lược về Luật Cạnh tranh

Luật Cạnh tranh (sửa đổi) 2018 gồm 10 chương và 118 điều, có hiệu lực từ ngày 01/7/2019, được ban hành nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch và

hiệu quả trong nền kinh tế. Luật đặt mục tiêu ngăn chặn các hành vi gây tổn hại cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Một trong những vai trò quan trọng của luật là bảo vệ người tiêu dùng thông qua việc quy định và xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh như độc quyền, gian lận thương mại, ép giá hoặc giảm chất lượng để thao túng thị trường (Bộ Công Thương, 2022). Luật cũng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, nâng cao năng suất và tạo điều kiện cho DNNVV tham gia thị trường, từ đó thúc đẩy sự đa dạng của nền kinh tế (CIEM, 2018).

Ngoài ra, Luật Cạnh tranh 2018 ngăn ngừa các hành vi độc quyền và liên kết thao túng giá, hạn chế sản xuất gây thiệt hại cho người tiêu dùng và nền kinh tế (Ngọc, 2023).

Cuối cùng, luật tăng cường tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh, yêu cầu doanh nghiệp công khai thông tin về giá, chất lượng và chiến lược tiếp thị, giúp người tiêu dùng đưa ra quyết định chính xác và hạn chế hành vi gian lận (Tráng, 2020).

3. Tác động của nền kinh tế số đến Luật Cạnh tranh

3.1. Những điểm đạt được

Từ góc nhìn của cơ quan quản lý, Luật Cạnh tranh hiện hành đã mang lại nhiều phản hồi tích cực so với Luật Cạnh tranh 2004. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định mục tiêu cơ bản của chương trình là: Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu. Theo đó, Luật Cạnh tranh 2018 đã hoàn thiện hơn các văn bản vi phạm, hướng dẫn việc thực thi pháp luật một cách có hiệu quả.

Thứ nhất, để đáp ứng tốc độ phát triển chóng mặt của nền kinh tế số, sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh mới và việc hội nhập sâu với bạn bè quốc tế, đối tượng và phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh. Cụ thể, các quy định hướng dẫn sử dụng theo (i) Ngày 26 tháng 9 năm 2019 được Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh; (ii) Ngày 24 tháng 3 năm 2020 được Chính phủ ban hành Nghị định số 35/2020/NĐ-CP. Luật cạnh tranh cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xóa bỏ rào cản gia nhập thị trường số, đặc biệt là các startup trong lĩnh vực công nghệ (OECD, 2018).

Thứ hai, nhằm hạn chế hành vi cạnh tranh không lành mạnh, đặc biệt khi các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử như Lazada, Shopee, Tiki có thể sử dụng chiến lược giảm sâu hoặc chính sách ‘ưu tiên tìm kiếm’ để lạm dụng, thống lĩnh thị trường, cơ quan quản lý đã thắt chặt thông qua việc giám sát, xử lý nghiêm khắc những trường hợp cạnh tranh không lành mạnh. Cơ quan quản lý đã xử lý hơn 100 hồ sơ với số lượng tập trung doanh nghiệp là hơn 200 doanh nghiệp (doanh nghiệp nước ngoài chiếm 51%, doanh nghiệp Việt Nam chiếm 49%). Điều 24 Luật Cạnh tranh 2018 cũng bổ sung về nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường, siết chặt công tác bảo vệ doanh nghiệp và hoàn thiện Điều 11 Luật Cạnh tranh 2004. Bên cạnh đó, Luật Cạnh tranh 2018 quy định 10 loại thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm và áp dụng chính sách khoan hồng nhằm miễn hoặc giảm phạt cho doanh nghiệp tự nguyện khai báo và hỗ trợ điều tra (Lê, 2023).

Công tác giám sát được củng cố thêm với sự thành lập Ủy ban Cạnh tranh quốc gia. Đây được xem là một bước tiến mới trong việc thực thi và duy trì tính công bằng, minh bạch của

Luật Cạnh tranh tại Việt Nam. Trong năm 2024, Ủy ban Cạnh tranh quốc gia đã xem xét 24 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về cạnh tranh bao gồm 10 vụ việc về hành vi hạn chế cạnh tranh, 11 vụ việc về hành vi không lành mạnh và 3 vụ việc về hành vi tập trung kinh tế (Tạp chí Công thương, 2025).

3.2. Những điểm hạn chế

Thứ nhất là việc thiếu tính toàn diện, tính phù hợp, tính thống nhất, tính pháp lý và tính hiệu quả của hệ thống pháp luật về nền kinh tế số (Lê, 2023). Chuyển đổi số bước vào giai đoạn chuyển giao mạnh mẽ, nhiều nội dung khác biệt với nội dung của nền kinh tế truyền thống nên hệ thống pháp luật cũng phải thay đổi. Tuy nhiên, việc thay đổi chưa được thực hiện thống nhất, gây ra sự thiếu cân bằng và tính toàn diện của hệ thống pháp luật.

Thứ hai, mặc dù việc mở rộng phạm vi áp dụng, tạo ra cơ hội hợp tác cho doanh nghiệp nước ngoài những điều này cũng đồng nghĩa với việc doanh nghiệp không chỉ phải đáp ứng quy định hành vi cạnh tranh lành mạnh - điều kiện quan trọng nhất trong luật cạnh tranh, mà còn phải kết hợp với các điều khoản khác, ví dụ như các nền tảng số nước ngoài phải có sự liên kết với địa phương sở tại.

Thứ ba, như đã đề cập đến mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng (Điều 6 Luật Cạnh tranh 2018), các công cụ công nghệ ngày càng tinh vi và phức tạp và thiếu quy định xử phạt cụ thể khiến cho việc áp dụng Luật pháp trở nên kém hiệu quả. Chẳng hạn, nếu các doanh nghiệp tìm cách sử dụng thông tin khách hàng vào các mục đích cạnh tranh không lành mạnh thông qua nền tảng bán hàng, làm sao để xác định được hành vi vi phạm, xử lý thế nào và hậu quả gây ra sẽ được khắc phục như thế nào là điều mà hệ thống pháp luật hiện hành vẫn chưa có câu trả lời. Sự hỗ trợ của luật về an ninh mạng (số 24/2018/QH14) cũng kém hiệu quả khi mà luật này lại chưa thực sự đi vào thực tiễn khi thiếu các chỉ dẫn chính thức.

Luật quy định thời gian ra quyết định về việc hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh là 60 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, tuy nhiên thời hạn này còn chậm so với thực tế và có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, với đặc thù chuyên môn cao, việc xử lý các vụ việc hạn chế cạnh tranh và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực này có nhiều điểm tương đồng với hoạt động tố tụng tại Tòa án, đòi hỏi kiến thức pháp lý chuyên sâu cũng như kinh nghiệm thực tiễn.

3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Một trong những nguyên nhân khách quan lớn nhất là tốc độ chuyển đổi số quá nhanh khiến hệ thống pháp luật chưa kịp thích nghi. Bên cạnh đó, khung pháp lý hiện hành còn thiếu sự đồng bộ với nhiều lĩnh vực liên quan như đất đai, đầu tư, đổi mới sáng tạo hay quản lý công nghệ 4.0 (Tô Hoài Nam, 2023). Kinh tế số bao trùm nhiều mô hình kinh doanh mới như thương mại điện tử, kinh tế chia sẻ, fintech, dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo (AI). Các mô hình này thường xuyên thay đổi phương thức giao dịch, phụ thuộc lớn vào dữ liệu và công nghệ, đồng thời xây dựng mạng lưới người dùng rộng khắp. Chính sự đa dạng và phức tạp này làm cho việc xây dựng và áp dụng một hệ thống pháp lý thống nhất gặp nhiều trở ngại.

Một nguyên nhân khách quan khác là tác động của toàn cầu hóa và các nền tảng xuyên biên giới. Các công ty công nghệ quốc tế với tiềm lực tài chính và công nghệ mạnh mẽ thường chiếm ưu thế trên thị trường, trong khi lại không bị ràng buộc chặt chẽ bởi quy định

trong nước. Điều này tạo ra sự bất bình đẳng trong cạnh tranh, khiến Luật Cạnh tranh Việt Nam gặp khó khi xử lý hành vi không công bằng của các doanh nghiệp nước ngoài. Hơn nữa, việc thiếu các hiệp định quốc tế chuyên biệt và hệ thống pháp lý toàn cầu thống nhất càng khiến tranh chấp xuyên biên giới trở nên phức tạp và khó giải quyết.

Ngoài yếu tố doanh nghiệp, sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng cũng góp phần tạo ra thách thức khách quan. Người tiêu dùng ngày càng chuyển dịch từ giao dịch trực tiếp sang giao dịch trực tuyến, làm thay đổi cấu trúc thị trường và cách thức cạnh tranh. Trên phạm vi quốc tế, sự thiếu hụt chuẩn mực pháp lý chung về cạnh tranh trong nền kinh tế số cũng là nguyên nhân quan trọng.

Tóm lại, nguyên nhân khách quan chủ yếu đến từ tốc độ phát triển quá nhanh của công nghệ số, sự đa dạng của mô hình kinh doanh mới, tác động từ toàn cầu hóa, sự thay đổi hành vi tiêu dùng, và khoảng trống trong khung pháp lý quốc tế. Đây là những yếu tố vượt ngoài tầm kiểm soát của một quốc gia đơn lẻ, khiến Luật Cạnh tranh 2018 dù đã cải tiến vẫn gặp nhiều hạn chế khi áp dụng vào thực tiễn kinh tế số.

3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Từ góc độ chủ quan, Việt Nam vẫn chưa thực sự chủ động trong việc thích nghi với sự biến đổi của nền kinh tế số. Nhiều vấn đề phát sinh trong quan hệ giữa khách hàng và doanh nghiệp trên các nền tảng thương mại điện tử chưa có giải pháp pháp lý rõ ràng. Thực tế quốc tế cho thấy trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, tỷ lệ áp dụng luật giao dịch điện tử khá cao, nhưng các luật liên quan đến bảo vệ người tiêu dùng, quyền riêng tư hay tội phạm mạng lại còn thấp, đặc biệt ở các nền kinh tế đang phát triển (UNCTAD, 2015).

Hơn nữa, một bộ phận doanh nghiệp trong nước chưa thực sự quan tâm đến khía cạnh pháp lý. Khi gặp vướng mắc, họ thường dựa vào quan hệ cá nhân thay vì chủ động tìm hiểu luật, dẫn đến thiếu nhận thức về vai trò của quản trị pháp lý (Đỗ Hà, 2023). Hệ quả là khung pháp lý chưa hoàn thiện đã làm suy giảm lòng tin của khách hàng và người dùng nền tảng số.

Việc thực thi Luật Cạnh tranh tại Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn do sự thiếu đồng bộ giữa các bộ luật, thể hiện rõ trong vụ Grab mua lại Uber năm 2018, khi cơ quan quản lý phải cân nhắc giữa bảo vệ cạnh tranh và khuyến khích đầu tư, dẫn đến hiệu quả áp dụng luật chưa cao. Bên cạnh đó, các công cụ phân tích thị trường số và tiêu chí xử lý hành vi như lạm dụng vị thế hay định giá hủy diệt vẫn chưa đầy đủ, gây hạn chế trong quá trình đánh giá và quản lý.

Ngoài ra, nhận thức của doanh nghiệp về pháp luật cạnh tranh vẫn còn hạn chế do công tác tuyên truyền chưa được chú trọng. Việc nhiều doanh nghiệp chạy theo chiến lược giá rẻ, khuyến mãi mạnh trong môi trường số khiến họ xem nhẹ tuân thủ luật và chuẩn mực kinh doanh, đặt ra yêu cầu Nhà nước tăng cường phổ biến pháp luật và bảo đảm thực thi hiệu quả.

4. Một số giải pháp

4.1. Cơ sở đề xuất

Nghị quyết Đại hội XIII xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, trong đó kinh tế số là một trong ba trụ cột. Để phát triển kinh tế số, Việt Nam đã ban hành Chiến lược quốc gia đến 2025, định hướng 2030 nhằm xây dựng nền kinh tế hiện đại dựa trên công nghệ số, dữ liệu và đổi mới sáng tạo (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022). Theo Quyết định 411/QĐ-TTg (2022), đến 2030 kinh tế số phấn đấu chiếm 30% GDP, với công nghệ số và dữ liệu được phổ cập sâu rộng trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Về định hướng hoàn thiện Luật Cạnh tranh tại Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý quan trọng đã được ban hành. Trong đó có nghị định 35/2020/NĐ-CP mở rộng phạm vi áp dụng ngoài lãnh thổ đối với hành vi ảnh hưởng đến thị trường trong nước, phản ánh nhận thức về ảnh hưởng xuyên biên giới của các tập đoàn công nghệ lớn (Chính phủ, 2020). Điều này khá tương đồng với DMA của EU nhằm kiểm soát các "gã khổng lồ công nghệ" (European Commission, 2022).

Việt Nam đang siết chặt quản lý cạnh tranh trong không gian số. Nghị định 03/2023/NĐ-CP thành lập Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia để nâng cao năng lực giám sát, ngăn ngừa lạm dụng vị trí thống lĩnh của các nền tảng số gây cản trở DNNVV (Chính phủ, 2023); Nghị định 55/2024/NĐ-CP tăng bảo vệ người tiêu dùng số, đặt ràng buộc với hành vi thao túng thuật toán, kiểm soát dữ liệu và áp đặt điều kiện bất lợi lên đối tác. Song song, đề án của Bộ Công Thương đề xuất sửa Luật Cạnh tranh để bao quát hành vi mới như định giá thuật toán, tự ưu tiên dịch vụ và thao túng dữ liệu nhằm loại bỏ đối thủ (Nguyễn, 2023). Các bước này hướng tới một thị trường số minh bạch, công bằng và bền vững. Qua đó chính phủ Việt Nam đã thể hiện quyết tâm và nỗ lực hành động mạnh mẽ trong việc thúc đẩy phát triển chuyển đổi nền kinh tế sang kinh tế số.

Chuyển đổi số tuy mở ra cơ hội cho DNNVV tiếp cận thị trường rộng hơn với chi phí thấp, nhưng đồng thời tăng rủi ro hành vi phản cạnh tranh, ảnh hưởng DN truyền thống và ổn định kinh tế; vì vậy cần thúc đẩy phát triển số bền vững (theo Báo Chính phủ).

Nhiều quốc gia đã sửa luật cạnh tranh để vừa kiểm soát hành vi phản cạnh tranh vừa xây dựng môi trường minh bạch, khuyến khích đổi mới. Tại Hoa Kỳ, FTC và DOJ đang siết chặt giám sát “big tech” (Wu, 2021). Ở EU, Đạo luật Thị trường Kỹ thuật số (DMA) và Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số (DSA) áp đặt nghĩa vụ minh bạch thu thập/sử dụng dữ liệu, hạn chế tự ưu tiên và tạo sân chơi bình đẳng cho DN nhỏ (Crémer et al., 2019). Tại Nhật Bản, Luật Chống Độc quyền (Antimonopoly Act) được sửa đổi để ngăn việc ép buộc chia sẻ dữ liệu hay áp đặt điều khoản bất lợi cho đối tác. Nhìn chung, xu hướng là siết quản lý các nền tảng thống lĩnh bằng kết hợp thực thi sau vi phạm và nghĩa vụ tiền kiểm, nhằm bảo vệ cạnh tranh và thúc đẩy đổi mới.

4.2. Giải pháp

4.2.1. Giải pháp cho doanh nghiệp

Trong bối cảnh nền kinh tế số phát triển nhanh chóng và liên tục đặt ra những thách thức pháp lý mới, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) cần chủ động nâng cao năng lực tuân thủ và khả năng tiếp cận pháp luật. Thực trạng cho thấy phần lớn DNNVV tại Việt Nam vẫn chưa coi trọng pháp chế, ít tham gia các chương trình đào tạo pháp luật và thường phụ thuộc vào quan hệ cá nhân khi gặp vướng mắc (Tô Hoài Nam, 2023, trích trong Đỗ Hà, 2023). Điều này đòi hỏi một giải pháp mang tính hệ thống nhằm nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận thông tin pháp lý của doanh nghiệp.

Việc tham gia các hiệp hội doanh nghiệp, đặc biệt là Hiệp hội Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Việt Nam (VINASME), cần được xem là một chiến lược quan trọng. Thông qua mạng lưới này, doanh nghiệp có thể nhanh chóng cập nhật quy định mới, tiếp cận hỗ trợ pháp lý và tăng cường đối thoại với cơ quan quản lý nhà nước. Tuy nhiên, do số lượng hội viên hiện còn tương đối hạn chế so với tổng số DNNVV trên cả nước (Hội An, 2024), Nhà nước cần có

chính sách thúc đẩy và mở rộng phạm vi hoạt động của các hiệp hội nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp gia tăng khả năng tiếp cận thông tin pháp luật một cách chính xác và kịp thời.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ số vào theo dõi và đánh giá tác động của pháp luật cần được chú trọng hơn. Các hệ thống tra cứu pháp luật hiện nay chủ yếu chỉ dừng lại ở chức năng cung cấp văn bản, chưa có khả năng phân tích rủi ro hay đưa ra cảnh báo về các thay đổi quan trọng. Vì vậy, doanh nghiệp cần hợp tác với các công ty công nghệ để phát triển các nền tảng LegalTech dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI), cho phép tự động theo dõi sự thay đổi trong khung pháp lý, phân tích tác động theo từng ngành nghề, và cảnh báo rủi ro về cạnh tranh hoặc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp giảm thiểu nguy cơ vi phạm pháp luật và nâng cao năng lực quản trị pháp lý.

Ngoài ra, để giảm rào cản gia nhập thị trường số và nâng cao năng lực cạnh tranh trước các nền tảng lớn đang hưởng lợi từ hiệu ứng mạng lưới, Việt Nam cần mở rộng các cơ chế hỗ trợ tài chính cho DNNVV. Kinh nghiệm của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan hay Trung Quốc cho thấy rằng các mô hình bảo lãnh tín dụng, quỹ đổi mới sáng tạo hoặc chính sách hỗ trợ lãi suất có thể giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn rẻ hơn, từ đó đầu tư mạnh mẽ hơn vào công nghệ, dữ liệu và an ninh mạng. Việc áp dụng những mô hình này sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam nâng cao nội lực, chống chịu tốt hơn với sức ép cạnh tranh từ các nền tảng lớn, đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nước.

4.2.2. Đề xuất cho pháp luật cạnh tranh tại Việt Nam

Để ứng phó hiệu quả với những thách thức pháp lý do kinh tế số đặt ra và duy trì một môi trường cạnh tranh lành mạnh, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật cạnh tranh theo hướng bao quát hơn, phù hợp hơn với đặc thù của thị trường kỹ thuật số. Như đã chỉ ra trong phần thực trạng, những khoảng trống liên quan đến dữ liệu, thuật toán và hành vi tự ưu tiên của các nền tảng lớn đang trở thành vấn đề trọng tâm cần được xử lý (Stucke & Ezrachi, 2020; Nguyễn, 2023).

Trước hết, việc bổ sung quy định về lạm dụng dữ liệu và thuật toán cần được xem là ưu tiên hàng đầu. Dữ liệu đã trở thành một nguồn lực chiến lược và là cơ sở tạo lập sức mạnh thị trường trong nền kinh tế số; do đó, cách thức thu thập, sử dụng và phân tích dữ liệu phải minh bạch và được kiểm soát chặt chẽ. Các báo cáo quốc tế cũng cảnh báo nguy cơ doanh nghiệp sử dụng dữ liệu người dùng để thao túng thị trường hoặc tự ưu tiên dịch vụ của mình thông qua thuật toán gợi ý và thuật toán xếp hạng (European Commission, 2019; Stucke & Ezrachi, 2020). Thực trạng nghiên cứu của Việt Nam cho thấy pháp luật hiện hành chưa có cơ chế rõ ràng để xử lý hành vi lạm dụng dữ liệu khách hàng, khiến người tiêu dùng và đối thủ dễ gặp bất lợi. Vì vậy, yêu cầu minh bạch thuật toán, trách nhiệm giải trình và cơ chế kiểm toán độc lập là những bước cần thiết để hạn chế các hình thức thao túng ngày càng tinh vi.

Bên cạnh đó, việc xác định thị trường liên quan trong bối cảnh số hóa cũng cần được điều chỉnh để phản ánh đúng bản chất đa mặt của các nền tảng. Hiệu ứng mạng, chi phí chuyển đổi cao và sự phụ thuộc vào dữ liệu khiến các công cụ truyền thống không còn phù hợp (Ho, 2021; OECD, 2017). Do đó, bộ tiêu chí mới cần tính đến mức độ thay thế giữa các nền tảng, khả năng kiểm soát dữ liệu, mức độ khóa người dùng và vai trò của các thị trường hỗ trợ. Cách tiếp cận này giúp tránh được tình trạng đánh giá sai quyền lực thị trường do sự

phức tạp của mô hình nền tảng, đồng thời giảm nguy cơ bỏ sót các hành vi phản cạnh tranh không dễ nhận diện.

Thứ ba, việc tăng cường năng lực thực thi của cơ quan cạnh tranh là hết sức quan trọng. Báo cáo thực trạng đã nhấn mạnh rằng các công cụ phân tích hành vi cạnh tranh hiện nay vẫn còn hạn chế, đặc biệt khi đối mặt với các chiến lược định giá hủy diệt hoặc thông đồng được “tự động hóa” thông qua thuật toán (Bộ Công Thương, 2022). Vì vậy, cần đầu tư vào các công cụ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, đồng thời thành lập một đơn vị chuyên trách trong Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia để giám sát hành vi trên thị trường số theo thời gian thực. Nhân lực thực thi cũng cần được đào tạo sâu hơn về dữ liệu, công nghệ và mô hình nền tảng để đáp ứng yêu cầu mới.

Ngoài ra, thời gian xử lý hồ sơ miễn trừ và tập trung kinh tế, hiện được ấn định là 60 ngày, đã bộc lộ nhiều bất cập trong bối cảnh tốc độ biến đổi của thị trường số ngày càng nhanh. Việc rút ngắn thời hạn đánh giá, đẩy mạnh điện tử hóa quy trình thụ lý và áp dụng cơ chế thẩm định nhanh đối với các thương vụ ít rủi ro có thể giúp giảm thiểu độ trễ trong thực thi pháp luật và tạo sự linh hoạt hơn cho thị trường (Luật Cạnh tranh 2018; Nghị định 35/2020/NĐ-CP).

Một thách thức khác mà bản cũ cũng đã chỉ ra là sự thiếu đồng bộ giữa Luật Cạnh tranh và các luật liên quan. Trường hợp Grab mua lại Uber là ví dụ điển hình cho sự chồng chéo giữa các đạo luật về cạnh tranh, đầu tư, giao dịch điện tử và an ninh mạng, khiến cơ quan quản lý gặp nhiều khó khăn trong xử lý. Do đó, cần xây dựng một cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ hơn, đồng thời ban hành hướng dẫn cụ thể cho việc thẩm định M&A trong lĩnh vực nền tảng số và giao dịch xuyên biên giới.

Trước hiện tượng “người thắng chiếm trọn”, vốn đã được bản cũ nhấn mạnh dưới hình thức độc quyền tự nhiên, Việt Nam cần xây dựng cơ chế giám sát đặc biệt đối với các nền tảng gác cổng. Kinh nghiệm từ Đạo luật Thị trường Kỹ thuật số (DMA) của Liên minh châu Âu cho thấy các nền tảng thống lĩnh phải tuân thủ nghĩa vụ minh bạch, không được tự ưu tiên dịch vụ của mình và phải chia sẻ dữ liệu nhất định cho đối tác để bảo đảm một sân chơi cạnh tranh công bằng (European Commission, 2022). Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu thực tiễn của Việt Nam và có thể được điều chỉnh để phù hợp bối cảnh trong nước.

Cuối cùng, do các hành vi phản cạnh tranh trên nền tảng số thường mang tính xuyên biên giới, Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thực thi cạnh tranh, từ chia sẻ dữ liệu điều tra đến phối hợp kiểm toán thuật toán. Song song với các biện pháp pháp lý, việc tăng cường tuyên truyền pháp luật cạnh tranh, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng cũng giữ vai trò quan trọng trong xây dựng một thị trường số minh bạch và bền vững.

Kết luận

Kinh tế số tạo ra cả cơ hội và thách thức cho Việt Nam, đặc biệt trong việc bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng. Luật Cạnh tranh 2018 đã có tiến bộ nhưng vẫn còn khoảng trống trước các vấn đề mới như lạm dụng dữ liệu, thuật toán và độc quyền nền tảng. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật, tăng cường giám sát và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ là cần thiết để xây dựng thị trường số minh bạch, thúc đẩy đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Công Thương. (2022). Báo cáo của Bộ Công Thương về lĩnh vực thương mại điện tử. <https://fr.slideshare.net/hoangduy203/bo-co-tmt-vit-nam-2022-t-b-cng-thng>
- Bộ Khoa học và Công nghệ. (2022). Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. <https://mst.gov.vn/chien-luoc-quoc-gia-phat-trien-kinh-te-so-va-xa-hoi-so-den-nam-2025-dinh-huong-den-nam-2030-197153290.htm>
- CIEM. (2018). Chính sách cạnh tranh ở Việt Nam: Vấn đề và hướng xử lý. Hà Nội: Viện Nghiên cứu chính sách và chiến lược. <https://ciem.org.vn/tin-tuc/6317/>
- Đỗ Hà. (2023). VINASME hàng năm đào tạo gần 5.000 học viên cho các doanh nghiệp. <https://vov2.vov.vn/giao-duc-dao-tao/vinasme-hang-nam-dao-tao-gan-5000-hoc-vien-cho-cac-doanh-nghiep-45738.vov2>
- Don Tapscott. (1995). The Digital Economy: Promise and Peril in the Age of Networked Intelligence. McGraw-Hill. <https://archive.org/details/digitaleconomy00dont>
- European Commission: Directorate-General for Competition, Montjoye, Y., Schweitzer, H., & Crémer, J. (2019). Competition policy for the digital era, Publications Office. <https://data.europa.eu/doi/10.2763/407537>
- Khan, S., & Aftab, M. (2015). Digitization and its impact on economy. International journal of digital library services, 5(2), 139-141.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng.* (2025, January 3). Tạp chí Công Thương. <https://tapchicongthuong.vn/nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-quan-ly-nha-nuoc-ve-canhh-tranh-va-bao-ve-nguoi-tieu-dung-131952.htm>
- Kinh tế & Dự báo. (2025). Nâng cao khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV tại Việt Nam. <https://kinhtevadubao.vn/nang-cao-kha-nang-tiep-can-von-cho-dnnvv-tai-viet-nam-31158>
- Lê, H. (2023). *Hoàn thiện quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong Luật Cạnh tranh năm 2018*. Truy xuất từ <https://lsvn.vn/hoan-thien-quy-dinh-ve-thoa-thuan-han-che-canhh-tranh-trong-luat-canhh-tranh-nam-2018-1680495031-a129104.html>
- Lê Thị Thanh. (2023). Pháp luật về chuyển đổi số nền kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Học viện Tài chính. <https://daihochoabinh.edu.vn/wp-content/uploads/2024/06/3.-PGS.TS.-Le-Thi-Thanh.pdf>
- M. Celestin, M. Vasuki & A. Dinesh Kumar. (2024). HOW DIGITAL PLATFORMS EMPOWER SMES: A COMPARATIVE ANALYSIS OF E-COMMERCE STRATEGIES IN DEVELOPED AND EMERGING MARKETS. Trong Indo American Journal of Multidisciplinary Research and Review: Vol Special Issue 2 (tr 14–26). Zenodo.
- Ngọc, V. T. B. (2023). *Pháp luật cạnh tranh về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường* (Master's thesis, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh).
- Nguyễn, T. T. (2023). Kinh tế số và những thách thức đối với pháp luật cạnh tranh: Kinh nghiệm quốc tế và gợi mở cho Việt Nam. Vietnam Hội Nhập.

<https://vietnamhoinhap.vn/vi/kinh-te-so-va-nhung-thach-thuc-doi-voi-phap-luat-canh-tranh-kinh-nghiem-quoc-te-va-goi-mo-cho-viet-nam-41818.htm>

OECD. (2018). *Digital platforms and competition in Mexico 2018*. OECD Publishing.

U.S. International Trade Administration. (2024, September 20). *Digital Economy: Vietnam*. In Country Commercial Guide – Vietnam. U.S. Department of Commerce. Retrieved [ngày truy cập], from <https://www.trade.gov/country-commercial-guides/vietnam-digital-economy>

OECD. (2017). Competition in the Digital Economy. <https://www.oecd.org/en/topics/competition-and-digital-economy.html>

Tạp chí công sản. (2024). Tạp Chí Công Sản. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/899102/chuyen-doi-so-trong-cac-doanh-nghiep-nho-va-vua-o-viet-nam.aspx>

Tapscott, D., & Tapscott, A. (2016). *Blockchain Revolution: How the Technology Behind Bitcoin Is Changing Money, Business, and the World*. Penguin.

Thuvienphapluat.Vn. (2023). Quyết định 411/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. THƯ VIỆN PHÁP LUẬT. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyết-dinh-411-QĐ-TTg-2022-phe-duyet-Chien-luoc-quoc-gia-phat-trien-kinh-te-so-va-xa-hoi-so-508672.aspx>

Trần, T. X. A., & Lưu, K. L. (2023). Phân tích thực trạng các hành vi thao túng giá trên thị trường chứng khoán Việt Nam. *Tạp chí Học viện Ngân hàng*, 261–262, 162.

TRÁNG, Đ. C. (2020). CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CẠNH TRANH. *Journal of Science and Technology-IUH*, 43(01).

Transparency International. (2021). Corruption Perceptions Index 2021. Retrieved from <https://www.transparency.org>.

VietnamPlus. (2023, 20 tháng 11). Cuộc chiến hàng hóa giá rẻ xói mòn lợi nhuận của “gã khổng lồ” Alibaba. <https://www.vietnamplus.vn/cuoc-chien-hang-hoa-gia-re-xoi-mon-loi-nhuan-cua-ga-khong-lo-alibaba-post948047.vnp>

Wu, T. (2021). The Curse of Bigness: Antitrust in the New Gilded Age. Columbia Global Reports. <https://scholarship.law.columbia.edu/books/63>

Stucke, M. E., & Ezrachi, A. (2020). *Competition overdose: How free market mythology transformed us from citizen kings to market servants*. New York: HarperCollins.